

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016  
của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả  
khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn  
tập trung trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh**

Thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg, ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Cụ thể hóa được số lượng, chất lượng, hiện trạng sử dụng, tình hình biến động của các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn để phục vụ công tác đầu tư, quản lý, khai thác, xác lập hồ sơ công trình và chủ thể được giao quản lý công trình; đề ra các biện pháp phù hợp để tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung gắn với huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cùng Nhà nước đầu tư phát triển, khai thác công trình nước sạch.

#### **2. Yêu cầu**

- Việc thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg, ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phải đồng bộ, đồng thời bám sát theo hướng dẫn tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính; đảm bảo phổ biến, tuyên truyền rộng rãi nội dung của Chỉ thị, Kế hoạch tới mọi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đối với các công trình cấp nước tập trung nông thôn được đầu tư toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, có nguồn gốc ngân sách nhà nước; công trình đồng thời cung cấp nước sạch nông thôn tập trung được đầu tư từ các nguồn vốn gồm: Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn, Chương trình 134, Chương trình 135, Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước.

### **II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

## **1. Nội dung**

- Rà soát, đánh giá việc thực hiện giao quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, cơ chế hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn theo quy định tại Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính. Phân loại công trình theo mức độ hoạt động: bền vững; trung bình; kém hiệu quả và không hoạt động.

- Giao công trình cho đơn vị quản lý vận hành, khai thác đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động bền vững, theo nguyên tắc như sau:

1) Các công trình đã giao đang hoạt động hiệu quả, tiếp tục giao cho đối tượng quản lý, sử dụng khai thác;

2) Các công trình chưa giao đối tượng quản lý hoặc giao quản lý, vận hành chưa hiệu quả, tổ chức thực hiện đánh giá, xác định giá trị còn lại thực tế của từng công trình gắn với thời gian sử dụng thực tế và tổ chức giao cho đơn vị có đủ năng lực quản lý, vận hành công trình theo quy định; thực hiện giao theo nhóm công trình trong một vùng, khu vực (xã, liên xã, liên huyện) theo quy hoạch, không giao riêng lẻ công trình thuận lợi có ưu thế khai thác. Thứ tự ưu tiên giao quản lý, vận hành công trình: giao cho doanh nghiệp, giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ của nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh cấp nước sạch nông thôn hiện hành:

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, đối tượng giao quản lý, khả năng hỗ trợ của ngân sách về cấp bù giá nước, các địa phương, đơn vị quản lý khai thác lập phương án báo cáo UBND tỉnh quyết định phương thức giao công trình, cụ thể:

+ Việc giao công trình cho đơn vị sự nghiệp công lập, giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện theo hình thức thỏa thuận hoặc đặt hàng.

+ Việc giao công trình cho doanh nghiệp thực hiện theo phương thức đấu thầu để lựa chọn doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn. Doanh nghiệp trúng thầu sẽ thực hiện thanh toán giá trị còn lại thực tế của từng công trình gắn với thời gian sử dụng thực tế ngay sau khi nhận bàn giao hoặc thanh toán dần tương ứng với thời gian sử dụng còn lại thực tế của từng công trình (các nội dung cụ thể này là điều kiện đưa vào Hồ sơ thầu và Hợp đồng giao công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung).

+ Căn cứ thực tế kết quả hạch toán thu chi sản xuất kinh doanh cấp nước, giá bán nước và các quy định hiện hành, các địa phương, đơn vị quản lý công trình lập phương án cấp bù kinh phí theo quy định hiện hành báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định phương án cấp bù từ nguồn ngân sách các cấp hoặc nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

## **2. Giải pháp thực hiện**

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 35/CT-TTg, ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ “về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung” tới cán bộ, đơn vị quản lý công trình; tăng cường trách nhiệm của Cấp ủy Đảng, người đứng đầu chính quyền, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về cấp nước.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và trường học tổ chức phổ biến, giáo dục, hướng dẫn nhân dân và học sinh tham gia bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về cấp nước.

- Tăng cường sự kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

- Thực hiện phân cấp tổ chức thực hiện tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn, cụ thể:

+ Các công trình cấp nước tập trung có công suất cấp nước từ 500m<sup>3</sup>/ngày-đêm trở lên do cấp Tỉnh triển khai.

+ Đối với các công trình còn lại giao cho các địa phương tổ chức thực hiện.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương**

##### ***1.1. Sở Tài chính***

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng, các sở, ngành liên quan và các địa phương, đơn vị quản lý công trình cấp nước tổ chức xác định giá trị thực tế còn lại của công trình gắn với thời gian sử dụng thực tế;

- Hướng dẫn các địa phương, đơn vị quản lý tính đúng, tính đủ giá tiêu thụ nước sạch theo quy định hiện hành;

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế hỗ trợ bù giá nước sạch.

##### ***1.2. Sở Nông nghiệp và PTNT***

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương và đơn vị quản lý công trình thực hiện giao quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; tham mưu cho UBND tỉnh phương án và thủ tục giao các công trình có qui mô, công suất cấp nước từ 500m<sup>3</sup>/ngày-đêm trở lên cho các đơn vị quản lý; hướng dẫn các địa phương, đơn vị quản lý, vận hành các thủ tục thực hiện giao công trình theo quy định (khi có yêu cầu);

- Chỉ đạo các cơ quan thuộc Sở được giao chủ đầu tư các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp trong

việc cung cấp các hồ sơ tài liệu liên quan đối với các công trình nước sạch tập trung nông thôn có công suất cấp nước dưới  $500\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$ ;

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các địa phương, các tổ chức, đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn và Chỉ thị số 35/CT-TTg, ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ “về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung” tới người dân;

- Chỉ đạo Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT – đơn vị được giao làm Chủ đầu tư các công trình cấp nước tập trung nông thôn thuộc Chương trình PforR trên địa bàn Tỉnh thực hiện bàn giao cho Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh quản lý, khai thác, vận hành công trình.

*(Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo)*

### **1.3. Các sở, ngành liên quan, các cơ quan thông tin, truyền thông**

Chủ động phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, địa phương xây dựng chương trình cụ thể để tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch này.

### **1.4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Chỉ đạo các xã và đơn vị cấp nước thuộc quyền quản lý thực hiện tốt Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, Ủy ban nhân dân các xã, các đơn vị cấp nước trực thuộc tổng hợp, chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đối với các công trình nước sạch tập trung nông thôn công suất cấp nước từ  $500\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$  trở lên gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài chính để tổng hợp, triển khai thủ tục giao công trình cho đơn vị quản lý;

- Tổ chức thực hiện giao công trình cho đơn vị có đủ năng lực quản lý, vận hành và quản lý hồ sơ công trình theo quy định đối với những công trình có qui mô, công suất cấp nước dưới  $500\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$ ;

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về cấp nước.

## **2. Thời gian thực hiện**

- Ủy ban nhân dân các địa phương và các đơn vị liên quan gửi tài liệu, hồ sơ và phương án giao công trình cấp nước tập trung nông thôn cho đơn vị quản lý theo phân cấp về Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh trước ngày 25/5/2017.

*(Danh sách hồ sơ các công trình theo Phụ lục 02 kèm theo)*



- Sở Tài chính chủ trì và hướng dẫn các đơn vị, địa phương việc đánh giá giá trị còn lại của các công trình cấp nước tập trung nông thôn trước khi tổ chức đấu thầu bàn giao quản lý trước ngày 05/6/2017.

- Sau khi UBND Tỉnh phê duyệt phương án giao quản lý, khai thác, sử dụng công trình, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính, UBND các địa phương triển khai giao công trình cho đơn vị quản lý trước ngày 30/6/2017.

### 3. Kinh phí thực hiện

Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương, các đơn vị quản lý các công trình và các đơn vị có liên quan sử dụng kinh phí chi thường xuyên, phương tiện, thiết bị, cán bộ chuyên môn của đơn vị để thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./. *Jep*

#### *Nơi nhận:*

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND Tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và ĐT, Xây dựng, Tài nguyên và MT;
- Ban Xây dựng NTM;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm NSH&VSMTNT;
- Lưu: VT, NLN3 (15b, CV128).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*  
Đặng Huy Hậu



**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN BÀN GIAO QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PFORR**  
(Kèm theo Kế hoạch số 3446/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Danh mục công trình	Công suất thiết kế (m <sup>3</sup> /ngđêm)	Số đầu nối	Dự kiến thời gian hoàn thành, Quyết toán công trình (trước ngày)	Đơn vị tiếp nhận quản lý khai thác trước khi bàn giao	Dự kiến thời gian làm thủ tục bàn giao	Ghi chú
01	Cấp nước tập trung xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên	1.800	2.398	30/6/2017	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn	Trước 30/6/2017	
02	Cấp nước tập trung xã Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây, huyện Đông Triều	2.320	3.533	30/6/2017		Tháng 8/2017	
03	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Bình, huyện Đầm Hà	700	937	30/6/2017		Trước 30/6/2017	
04	Cấp nước tập trung xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên	870	1.214	30/6/2017		Trước 30/6/2017	
05	Cấp nước tập trung xã Nguyễn Huệ, Bình Dương, Đông Triều	2.100	3.860	30/6/2017		Tháng 10/2017	
06	Cấp nước tập trung xã Đông Ngũ, Đông Hải, huyện Tiên Yên	2.100	2.979	30/7/2017		Tháng 12/2017	
07	Cấp nước tập trung xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều	1.200	2.056	30/5/2017		Trước 30/6/2017	
08	Cấp nước tập trung xã Thủy An, thị xã Đông Triều	800	1.146	30/5/2017		Trước 30/6/2017	
09	Cấp nước tập trung xã Quảng Minh, huyện Hải Hà	1.200	1.725	30/7/2017		Tháng 12/2017	
10	Cấp nước tập trung xã Quảng Nghĩa, Hải Tiên, Hải Đông, Móng Cái	2.300	3.592	12/2018	Sau khi xây dựng xong Nhà đầu tư sẽ quản lý, khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1631/UBND-XD4, ngày 15/3/2017	Tháng 12/2018	



## PHỤ LỤC 02: TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN HIỆN CÓ

(Kèm theo Kế hoạch số 3446/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên huyện	Tên xã	Tên công trình	Nguồn nước cấp	Năm khởi công	Năm hoàn thành	Công suất thiết kế m <sup>3</sup> /ngày y-đếm	Công suất khai thác thực tế m <sup>3</sup> /ngày y-đếm	Số người cấp theo thiết kế	Số người cấp theo thực tế	Mô hình quản lý						Tình trạng hoạt động				
											Cộng đồng	HHT X	Đơn vị sự nghiệp	Tư nhân	Doanh nghiệp	Khác (xã, tổ, trường thôn,...)	Bền vững	Bình thường	hoạt động kém hiệu quả	Không hoạt động	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
1	Huyện Ba Chẽ	Xã Đạp Thanh	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Phất	nước mặt, tự chảy	2008	2009			102	102	x							x			
2		Xã Đạp Thanh	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Xa	nước mặt, tự chảy	2012	2012			280	280	x							x			
3		Xã Đạp Thanh	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Bắc Cáp	nước mặt, tự chảy					278	275	x							x			
4		Xã Đạp Thanh	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Mầu	nước mặt, tự chảy					278	278	x							x			
5		Xã Đạp Thanh	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Hồng Tiến	nước mặt, tự chảy					170	170	x							x			
6		Xã Đạp Thanh	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Bắc Tập	nước mặt, tự chảy					118	118	x							x			
7		Xã Đạp Thanh	Cấp nước sinh hoạt tự chảy xóm đình 1,2	nước mặt, tự chảy	2010	2010			70	70	x							x			
8		Xã Đồn Đạc	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Bắc Cây - Tân Tiến	nước mặt, tự chảy	2012	2012			905	905	x										x
9		Xã Đồn Đạc	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Mần	nước mặt, tự chảy	2012	2012			155	155	x							x			
10		Xã Đồn Đạc	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Nà Bấp	nước mặt, tự chảy	2012	2012			303	303	x							x			
11		Xã Đồn Đạc	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Mười	nước mặt, tự chảy	2012	2012			153	153	x							x			
12		Xã Đồn Đạc	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Nam Kim Giữa	nước mặt, tự chảy	2011	2011			148	148	x							x			
13		Xã Đồn Đạc	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Nước Đứng	nước mặt, tự chảy	2011	2011			30	30	x							x			
14		Xã Đồn Đạc	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Tàu Tiên	nước mặt, tự chảy	2015	2015			345	345								x			
15		Xã Đồn Đạc	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Vàng	nước mặt, tự chảy	2015	2015			127	127								x			
16		Xã Lương Móng	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Lừa	nước mặt, tự chảy	2008	2009			220	220	x							x			
17		Xã Lương Móng	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Đồng Cầu - Bãi Liều	nước mặt, tự chảy	2012	2012			239	239	x							x			
18		Xã Minh Cẩm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Tum	nước mặt, tự chảy					80	80	x							x			
19		Xã Minh Cẩm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Áng	nước mặt, tự chảy					162	162	x							x			
20		Xã Minh Cẩm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Đồng Quán	nước mặt, tự chảy					84	84	x							x			



STT	Tên huyện	Tên công trình	Nguồn nước cấp	Năm khởi công	Năm hoàn thành	Công suất thiết kế m <sup>3</sup> /ngày y-đếm	Công suất khai thác thực tế m <sup>3</sup> /ngày y-đếm	Số người cấp theo thiết kế	Số người cấp theo thực tế	Mô hình quản lý						Tình trạng hoạt động				
										Cộng đồng	HT X	Đơn vị sự nghiệp	Tư nhân	Doanh nghiệp	Khác (xã, tổ, trường thôn,...)	Bền vững	Bình thường	hoạt động kém hiệu quả	Không hoạt động	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
21	Huyện Ba Chẽ	Xã Minh Cẩm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Đồng Tân	nước mặt, tự chảy				55	55	x						x				
22		Xã Nam Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Hồ	nước mặt, tự chảy	2007	2008		281	281	x								x		
23		Xã Nam Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Cái Gian	nước mặt, tự chảy	2007	2008		154	154	x							x			
24		Xã Nam Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Sơn Hải	nước mặt, tự chảy	2010	2010		232	232	x							x			
25		Xã Nam Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Quạt Mỹ Lồng	nước mặt, tự chảy	2012	2012		800	800	x							x			
26		Xã Nam Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Tầm	nước mặt, tự chảy	2009	2009		372	372	x							x			
27		Xã Nam Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Lò Vôi	nước mặt, tự chảy				80	80	x									x	
28		Xã Thanh Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Bắc Văn	nước mặt, tự chảy	2010	2010		134	134	x							x			
29		Xã Thanh Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Thác Dải	nước mặt, tự chảy	2010	2011		138	138	x							x			
30		Xã Thanh Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Thác Lào	nước mặt, tự chảy	2011	2011		104	104	x							x			
31		Xã Thanh Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Lương Toáng	nước mặt, tự chảy	2011	2012		48	48	x							x			
32		Xã Thanh Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Lọng Ngoài	nước mặt, tự chảy				164	164	x								x		
33		Xã Thanh Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Pút Ngoài	nước mặt, tự chảy				118	118	x							x			
34		Xã Thanh Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Pút Trong	nước mặt, tự chảy				124	124	x								x		
35		Xã Thanh Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Lào	nước mặt, tự chảy	2007	2008		71	71	x							x			
36		Xã Thanh Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Làng	nước mặt, tự chảy	2007	2008		70	70	x							x			
37		Xã Thanh Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Làng Lốc	nước mặt, tự chảy	2007	2008		30	30	x							x			
38		Xã Thanh Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Pha Lán	nước mặt, tự chảy				89	89	x							x			
39		Xã Thanh Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Tinh	nước mặt, tự chảy	2010	2010		96	96	x							x			
40		Xã Thanh Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Dít	nước mặt, tự chảy				125	125	x							x			
41	Xã Thanh Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Ôn	nước mặt, tự chảy	2009	2009		40	40	x							x				
42	Bình Liên	Đồng Văn	Công trình cấp nước tập trung bán Cẩm Hắc và Co Ngòa	nước mặt, tự chảy	2007	2007	9	9	120	120	x									
43		Đồng Văn	Công trình cấp nước tập trung khu UBND xã	nước mặt, tự chảy	2006	2006	12	12	150	150	x									x





STT	Tên huyện	Tên xã	Tên công trình	Nguồn nước cấp	Năm khởi công	Năm hoàn thành	Công suất thiết kế m <sup>3</sup> /ngày y-đm	Công suất khai thác thực tế m <sup>3</sup> /ngày y-đm	Số người cấp theo thiết kế	Số người cấp theo thực tế	Mô hình quản lý					Tình trạng hoạt động					
											Cộng đồng	HT X	Đơn vị sự nghiệp	Tư nhân	Doanh nghiệp	Khác (xã, tổ, trường thôn,...)	Đền xứng	Bình thường	hoạt động kém hiệu quả	Không hoạt động	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
44	Bình Liêu	Đồng Văn	Công trình cấp nước tập trung bán Sông Muóc B	nước mặt, tự chảy	2016	2016	68	65	350	300	x							x			
45		Hoành Mỏ	Công trình cấp nước tập trung bán Nà Run	nước mặt, tự chảy	2006	2006	5	5	60	55	x								x		
46		Hoành Mỏ	Công trình cấp nước tập trung bán Nà Sa	nước mặt, tự chảy	2016	2016	35	30	160	135	x								x		
47		Đồng Tâm	Công trình cấp nước tập trung bán Nà Ấng - Phiêng Tầm	nước mặt, tự chảy	2006	2007	85	80	515	450	x							x			
48		Đồng Tâm	Công trình cấp nước tập trung thôn Chè Phạ	nước mặt, tự chảy	2015	2015	84	84	450	450	x							x			
49		Lục Hồn	Hệ thống nước sinh hoạt bán Cốc Lông	nước mặt, tự chảy	2011	2011	24	24	160	160	x							x			
50		Lục Hồn	Công trình cấp nước tập trung thôn Ngân Pọt	nước mặt, tự chảy	2016	2016			320	320	x								x		
51		Lục Hồn	Công trình cấp nước tập trung thôn Cao Thắng	nước mặt, tự chảy	2016	2016			280	255	x								x		
52		Tĩnh Húc	Công trình cấp nước tập trung bán Khe Và	nước mặt, tự chảy	2010	2010	13	13	120	120	x								x		
53		Tĩnh Húc	Công trình cấp nước tập trung bán Nà Phạ I	nước mặt, tự chảy	2012	2014	55	55	375	375	x							x			
54		Tĩnh Húc	Công trình cấp nước tập trung bán Nà Kế I và II	nước mặt, tự chảy	2007	2007	13	13	125	125	x								x		
55		Tĩnh Húc	Công trình cấp nước tập trung bán Pắc Liêng II	nước mặt, tự chảy	2015	2016						x							x		
56		Tĩnh Húc	Công trình cấp nước tập trung bán Khe Lạc	nước mặt, tự chảy	2016	2016	30	30	135	115	x								x		
57		Tĩnh Húc	Công trình cấp nước tập trung bán Khe Đốc	nước mặt, tự chảy	2016	2016	38	35	190	175	x								x		
58		Vô Ngại	Công trình cấp nước tập trung bán Tổng Cầu	nước mặt, tự chảy	2012	2015	50	50	350	350	x							x			
59	Vô Ngại	Công trình cấp nước tập trung bán Khe Lành	nước mặt, tự chảy	2011	2011	20	18	190	190	x									x		
60	Vô Ngại	Công trình cấp nước tập trung bán Cầu Sắt	nước mặt, tự chảy	2015	2015	50	50	120	120	x							x				
61	Húc Động	Công trình cấp nước tập trung bán Lục Ngù - Sủ Cầu	nước mặt, tự chảy	2014	2015	60	60	525	525	x							x				
62	Húc Động	Công trình cấp nước tập trung bán Mỏ Túc	nước mặt, tự chảy	2015	2015	31	31	260	260	x							x				
63	Húc Động	Công trình cấp nước tập trung bán Khe Vắn	nước mặt, tự chảy	2015	2016	34	34	150	100	x							x				
64	Huyện Cổ Tồ	Xã Đồng Tiến	Hồ Trường Xuân	nước mặt bơm dẫn	2012	2013	1.752			1.047			x				x				
65		Xã Thanh Lân	Trạm bơm nước hồ Chiến Thắng 1	nước mặt bơm dẫn		2012	180				986			x				x			



STT	Tên huyện	Tên công trình	Nguồn nước cấp	Năm khởi công	Năm hoàn thành	Công suất thiết kế m <sup>3</sup> /ngày y - đêm	Công suất khai thác thực tế m <sup>3</sup> /ngày y - đêm	Số người cấp theo thiết kế	Số người cấp theo thực tế	Mô hình quản lý							Tình trạng hoạt động			
										Cộng đồng	HT X	Đơn vị sự nghiệp	Tư nhân	Doanh nghiệp	Khác (xã, tổ, trường thôn,...)	Bền vững	Bình thường	hoạt động kém hiệu quả	Không hoạt động	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
86	Huyện Đầm Hà	Xã Quảng Lợi	Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xã Quảng Lợi	nước mặt bơm dẫn	2011	2013	1.440	62	4.282	621		x					x			
87		Xã Dục Yên	Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xã Dục Yên	nước mặt bơm dẫn	2011	2014	1.320	18	8.229	176		x						x		
88		Xã Đầm Hà	Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xã Đầm Hà	nước mặt bơm dẫn	2009	2010	1.440	885	3.150	1.935		x						x		
89		Xã Đầm Hà	Công trình cấp nước tập trung xã Tân Bình - Vồn WB	nước mặt bơm dẫn	2014	2016	700	355	4.000	2.028		x					x			
70		Xã Quảng An	Cấp nước sinh hoạt thôn Làng Ngang	Tự chảy	2008	2009			270	428	x							x		
71		Xã Quảng An	Cấp nước sinh hoạt thôn Tân Trúc Tùng	Tự chảy	2008	2009			270	90	x							x		
72		Xã Quảng An	Cấp nước sinh hoạt thôn Nà Pá	Tự chảy	2007	2007			135	135	x							x		
73		Xã Quảng Lâm	Công trình cấp nước tự chảy bản Lý Khoái	Tự chảy	2011	2011	150		135	135	x							x		
74		Xã Quảng Lâm	Công trình cấp nước tự chảy bản Bình Hồ	Tự chảy	2007	2007	60			117	x							x		
75		Xã Quảng Lâm	Công trình cấp nước sinh hoạt tự chảy Siêng Lồng	Tự chảy	2012		200			113	x							x		
76	Tx Đông Triều	Hồng Thái Tây	Trạm cấp nước xã Hồng Thái Đông-Hồng Thái Tây	nước mặt bơm dẫn	2014	2015	2.320	782	14.132	4.764		x					x			
77		Xã Thủy An	Trạm cấp nước xã Thủy An	nước mặt bơm dẫn	2015	2016	800	419	4.584	2.400		x						x		
78		Xã Hoàng Quế	Trạm cấp nước xã Hoàng Quế	nước mặt bơm dẫn	2015	2016	1.200	817	8.224	5.600								x		
79		Xã Nguyễn Huệ	Trạm cấp nước xã Nguyễn Huệ - Bình Dương	nước mặt bơm dẫn	2015	2016	2.100	190	15.440	1.400								x		
80		Xã Yên Đức	Trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn xã Yên Đức	nước mặt bơm dẫn	2002	2004	700	700	4.000	4.000		x						x		
81	Huyện Hải Hà	Xã Phú Hải	Công trình cấp nước Phú Hải	nước mặt bơm dẫn	2001	2003	250	150	2.000	1.400	x								x	
82		Xã Quảng Đức	Công trình cấp nước Khe Lành - Quảng Đức	nước tự chảy	2007	2007	300	60	800	192	x							x		
83		Xã Quảng Đức	Công trình cấp nước Suối Tiên - Quảng Đức	nước tự chảy	2012	2014	360	200	2.000	1.617	x							x		
84		Xã Quảng Phong	Công trình cấp nước thôn 7	nước ngầm bơm dẫn	2010	2010	200	150	1.000	909	x								x	
85		Xã Quảng Phong	Công trình cấp nước thôn 8, 9	nước ngầm bơm dẫn	2010	2010	300	280	850	592	x								x	
86		Xã Quảng Sơn	Công trình cấp nước Quảng Sơn (Thôn Nhảy Máu?)	nước mặt tự chảy	2011	2012	200	120	500	310	x								x	
87		Xã Quảng Chính	Công trình cấp nước Quảng Chính	Bơm dẫn	1997	2008	6.000	3.000	12.000	6.000				x				x		
88		Xã Cái Chiên	Công trình cấp nước Cái Chiên	Tự chảy	2012	2012	400	200	1.000	507	x							x		

STT	Tên huyện	Tên công trình	Nguồn nước cấp	Năm khởi công	Năm hoàn thành	Công suất thiết kế m <sup>3</sup> /ngày y-đếm	Công suất khai thác thực tế m <sup>3</sup> /ngày y-đếm	Số người cấp theo thiết kế	Số người cấp theo thực tế	Mô hình quản lý						Tình trạng hoạt động				
										Cộng đồng	HT X	Đơn vị sự nghiệp	Tư nhân	Doanh nghiệp	Khác (xã, tổ, trường thôn,...)	Bền vững	Bình thường	hoạt động kém hiệu quả	Không hoạt động	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
89	Hoành Bồ	Xã Tiên Từ	Cấp nước cấp nước Tiên Từ	nước mặt bơm dẫn	2008	2009	1.000	600	4.000	2.088	x						x			
90		Xã Dân Chủ	Cấp nước tự chảy trung tâm xã Dân Chủ	nước mặt tự chảy	2006	2006			300	0	x									x
91		Xã Đồng Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy thôn Cài	nước mặt tự chảy	2010	2011			160	200					x		x			
92		Xã Đồng Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy thôn Đồng Quặng	nước mặt tự chảy	2010	2011			120	100					x		x			
93		Xã Đồng Lâm	Cấp nước tự chảy Khe Am (kết hợp thủy lợi)	nước mặt tự chảy	2011	2012			200	60					x				x	
94		Xã Đồng Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Đèo Độc	nước mặt tự chảy	2011	2011			240	192					x		x			
95		Xã Đồng Lâm	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Đá	nước mặt tự chảy	2016	2016			348	348					x		x			
96		Xã Đồng Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy trung tâm xã Đồng Sơn	nước mặt tự chảy	2007	2007			320	120					x		x			
97		Xã Đồng Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Phú Liên	nước mặt tự chảy	2008	2008			320	0					x					x
98		Xã Đồng Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Láy	nước mặt tự chảy	2016	2016			80	80					x		x			
99		Xã Đồng Sơn	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Tàu	nước mặt tự chảy	2016	2016			160	160					x		x			
100		Xã Hòa Bình	Cấp nước sinh hoạt tự chảy trung tâm xã Hòa bình	nước mặt tự chảy	2006	2006			55 hộ	13 hộ					x		x			
101	Xã Kỳ Thượng	Cấp nước tự chảy Khe Tre	nước mặt tự chảy	2011	2012			200	140					x		x				
102	Xã Kỳ Thượng	Cấp nước tự chảy Khe Lương	nước mặt tự chảy	2011	2012			120	80					x		x				
103	Xã Quảng La	Cấp nước sinh hoạt tự chảy trung tâm xã Quảng La	nước mặt tự chảy	2010	2011			1.440	240				x			x				
104	Xã Quảng La	Cấp nước tự chảy Khe Hòn	nước mặt tự chảy	2003	2003			580	140					x		x				
105	Xã Quảng La	Cấp nước tự chảy Đá Hang	nước mặt tự chảy	2007	2007			160	140					x		x				
106	Xã Sơn Dương	Cấp nước tự chảy vườn Rậm	nước mặt tự chảy	2000	2000			440	160					x		x				
107	Xã Sơn Dương	Cấp nước tự chảy Mỏ Đồng	nước mặt tự chảy	2007	2007			348	0					x					x	
108	Xã Sơn Dương	Cấp nước tự chảy Trại Me	nước mặt tự chảy	2008	2008			260	0					x					x	
109	Xã Tân Dân	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Dầu	nước mặt tự chảy	2007	2007			80	48					x		x				
110	Xã Tân Dân	Cấp nước sinh hoạt tự chảy trung tâm xã Tân Dân	nước mặt tự chảy	2008	2008			608	440					x		x				
111	Xã Tân Dân	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Chiêu	nước mặt tự chảy	2007	2007			380	280					x		x				
112	Xã Tân Dân	Cấp nước sinh hoạt tự chảy Khe Cát	nước mặt tự chảy	2016	2016			368	368					x		x				

STT	Tên huyện	Tên xã	Tên công trình	Nguồn nước cấp	Năm khởi công	Năm hoàn thành	Công suất thiết kế m <sup>3</sup> /ngày y-đêm	Công suất khai thác thực tế m <sup>3</sup> /ngày y-đêm	Số người cấp theo thiết kế	Số người cấp theo thực tế	Mô hình quản lý					Tình trạng hoạt động					
											Cộng đồng	HT X	Đơn vị sự nghiệp	Tư nhân	Doanh nghiệp	Khác (xã, tổ, trường thôn,...)	Bền vững	Bình thường	hoạt động kém hiệu quả	Không hoạt động	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
113		Xã Vũ Oai	Công trình cấp nước sinh hoạt tự chảy Vũ Oai	nước mặt tự chảy	2011	2013	500		2.300	1.481				x				x			
114		Xã Yên Thiện	Công trình cấp nước tự chảy thôn Khe Muối I	nước mặt tự chảy	2016	2016			164		x										
115		Xã Yên Thiện	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Đồng Tâm	nước mặt tự chảy	2007	2007					x						x				
116		Xã Yên Thiện	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Pạc Sùi	nước mặt tự chảy	2010	2010					x						x				
117		Xã Yên Thiện	Công trình cấp nước sinh hoạt tự chảy thôn Nà Phên	nước mặt tự chảy	2016	2016			124		x										
118		Xã Yên Thiện	Công trình cấp nước sinh hoạt tự chảy thôn Khe Và	nước mặt tự chảy	2016	2016			280		x										
119		Xã Yên Thiện	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Phố Cũ	nước mặt tự chảy	2016	2016			84		x										
120		Xã Hà Lâu	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Bắc Lù - Nà Trang	nước mặt tự chảy	2007	2007					x						x				
121		Xã Hà Lâu	Công trình cấp nước sinh hoạt tự chảy thôn Bắc Lù	nước mặt tự chảy	2012	2012					x						x				
122		Xã Đại Thành	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Kéo Kai	nước mặt tự chảy	2007	2007					x						x				
123		Xã Phong Dụ	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Pò Luông	nước mặt tự chảy	2006	2006					x									x	
124	Huyện Tiên Yên	Xã Phong Dụ	Giếng nước sinh hoạt nông thôn Đuốc Phệ	nước ngầm	2006	2006					x						x				
125		Xã Phong Dụ	Giếng nước sinh hoạt nông thôn Pạc Thạ	nước ngầm	2006	2006					x							x			
126		Xã Phong Dụ	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Văn Mây	nước mặt tự chảy	2006	2006						x						x			
127		Xã Phong Dụ	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Khe Xóm	nước mặt tự chảy	2011	2011						x						x			
128		Xã Phong Dụ	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Bán Cãi	nước mặt tự chảy	2011	2011						x						x			
129		Xã Đại Dực	Công trình cấp nước sinh hoạt tự chảy thôn Phái Giác	nước mặt tự chảy	2005	2005						x						x			
130		Xã Đại Dực	Công trình cấp nước sinh hoạt tự chảy thôn Khe Ngàn	nước mặt tự chảy	2005	2005						x						x			
131		Xã Đại Dực	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Khe Quang	nước mặt tự chảy	2007	2007						x						x			
132		Xã Đại Dực	Công trình cấp nước tự chảy xã Khe Lục	nước mặt tự chảy	2011	2011						x						x			
133		Xã Đồng Ngũ	Giếng nước sinh hoạt (02 cái) thôn Đồng Mộc	nước ngầm		2006						x						x			
134	Xã Đồng Rui	Giếng nước sinh hoạt (02 cái) thôn Bón	nước ngầm		2006						x									x	

STT	Tên huyện	Tên công trình	Nguồn nước cấp	Năm khởi công	Năm hoàn thành	Công suất thiết kế m <sup>3</sup> /ngày - đêm	Công suất khai thác thực tế m <sup>3</sup> /ngày - đêm	Số người cấp theo thiết kế	Số người cấp theo thực tế	Mô hình quản lý						Tình trạng hoạt động						
										Công đồng	HT X	Đơn vị sự nghiệp	Tư nhân	Doanh nghiệp	Khác (xã, tổ, trường thôn,...)	Đền vãng	Bình thường	hoạt động kém hiệu quả	Không hoạt động			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
135	Xã Điện Xá	Công trình cấp nước tự chảy thôn khe Cầu	nước mặt tự chảy	2003	2004						x						x					
136	Tiền Yên	Xã Diên Xá	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Tiên Hải	nước mặt tự chảy		2007					x						x					
137		Xã Diên Xá	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Khe Vàng	nước mặt tự chảy		2011					x						x					
138		Xã Hải Lạng	Đập dâng, đường ống, bể chứa nước thôn Hà Thụ	nước mặt tự chảy								x						x				
139		Xã Hải Lạng	Công trình cấp nước tập trung xã Hải Lạng (Vốn WB)	nước mặt bơm dẫn	2014	2015	870	427	5.000	2.452			x					x				
140	Huyện Văn Đồn	Xã Bán Sơn	Cấp nước thôn Đồng Danh	nước mặt tự chảy	2010	2010												x				
141		Xã Bán Sơn	Cấp nước thôn Đồng Lĩnh	nước mặt tự chảy	2011	2011													x			
142		Xã Bán Sơn	Cấp nước thôn Nà Sản	nước mặt tự chảy	2016	2016													x			
143		Xã Hạ Long	Công trình cấp nước Vạn Long (chỉ cấp cho xã Vạn Yên)	nước mặt, bơm dẫn	2007	2009	129	72	600	352					x				x			
144		Xã Ngọc Vũng	Cấp nước đảo Ngọc Vũng	nước mặt bơm dẫn cấp 1	2009	2009													x			
145		Xã Đài Xuyên	Giếng khoan trung tâm xã Đài Xuyên	nước ngầm bơm dẫn		2006														x		
146		Xã Đài Xuyên	Giếng khoan Bán Đài Van, xã Đài xuyên	nước ngầm bơm dẫn	2013	2013			315	218										x		
147		Xã Vạn Yên	Công trình cấp nước Vạn Long	nước mặt tự chảy	2009	2009														x		
148	Xã Thắng Lợi	Cấp nước Cống Đồng	nước mặt, bơm dẫn cấp 1	2008	2008															x		
149	Thành phố Móng Cái	Xã Vĩnh Thực	Cấp nước tập trung Vạn Gia	nước mặt	2005	2006	90	80	200	173					x			x				
150		Xã Vạn Ninh	Giếng khoan thôn Bắc	nước ngầm	2004	2005			200	0									x		x	
151		Xã Vạn Ninh	Giếng khoan thôn Nam, thôn Đông	nước ngầm	2004	2005			500	94	x									x		
152		Xã Vĩnh Trung	Giếng khoan, thôn 2	nước ngầm, bơm dẫn		2000			380	0												x
153		Xã Hải Sơn	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Thần Phún	nước mặt, tự chảy	2016	2016			140	150	x										x	
154		Xã Hải Sơn	Đập nước tự chảy Lục Chấn	nước mặt	2010	2011			250	200											x	
155		Xã Hải Sơn	Đập nước tự chảy Lý Lỗ	nước mặt	2010	2011			150	80											x	
156		Xã Hải Sơn	Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu Đồi Tây, thôn Pò Hèn	nước mặt, tự chảy	2016	2016			300	225	x											x



STT	Tên huyện	Tên công trình	Nguồn nước cấp	Năm khởi công	Năm hoàn thành	Công suất thiết kế m <sup>3</sup> /ngày - đôm	Công suất khai thác thực tế m <sup>3</sup> /ngày - đôm	Số người cấp theo thiết kế	Số người cấp theo thực tế	Mô hình quản lý						Tình trạng hoạt động			
										Cộng đồng	HT X	Đơn vị sự nghiệp	Tư nhân	Doanh nghiệp	Khác (xã, tổ, trường thôn,...)	Bền vững	Bình thường	hoạt động kém hiệu quả	Không hoạt động
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
157		Xã Đắc Sơn ★	Khoan Lục Phú	nước ngầm	2009	2009		50	0						UBND xã				x
158		Xã Quảng Nghĩa	Khoan Đầm Nâu	nước ngầm	2009	2009		50	25	x							x		
159	Thành phố Cẩm Phả	Xã Dương Huy	Cấp nước sạch thôn Khe Sím	nước mặt tự chảy	2011	2012		588	588	x						x			
160		Xã Dương Huy	Công trình cấp nước Tân Tiến	nước mặt tự chảy	2008	2008		56	56	x						x			
161		Xã Dương Huy	Công trình cấp nước tự chảy xã Dương Huy	nước mặt tự chảy	2009	2009		650	650	x						x			
162		Xã Cẩm Hải	Cấp nước máy đến hộ dân	nước mặt, bơm dẫn	2016	2016		2.500	1.696										
163	Thị xã Quảng Yên	Xã Cẩm La	Công trình cấp nước của tổ chức UNECESS thôn Cẩm Lũy, xã Cẩm La	nước mặt bơm dẫn	1999	2000	300	1.400	0		x								x
164		Xã Liên Hòa	Trạm cấp nước sinh hoạt Liên Hòa III	nước mặt bơm dẫn	1999	2000	600	480	5.000	3.305				x		x			
165		Xã Liên Vị	Trạm bơm nước máy công ty TNHH Hồng Quảng	nước mặt bơm dẫn	1998	2002	1.200		8.000					x					x
166		Xã Hiệp Hòa	Nhà máy nước sạch xã Hiệp Hòa	nước mặt bơm dẫn	2014	2015	1.800	1.126	9.592	6.000			x						
167		Xã Sông Khoai	Cấp nước sinh hoạt nông thôn xã Sông Khoai	nước mặt bơm dẫn	2009	2010	870	700	5.800	5.178			x			x			